

HARATAC 150

Hộp 03 vỉ x 04 viên nén sủi bọt

Kích thước: 104 x 102 x 22 mm

843/153

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 19/04/19

Rx Thuốc bán theo đơn

HARATAC 150

HASAN

Ranitidin 150 mg
(dưới dạng Ranitidin hydroclorid)

Hộp 03 vỉ x 04 viên nén sủi bọt

Thành phần
Ranitidin hydroclorid.....167,4 mg
(tương đương Ranitidin.....150 mg)
Tá dược.....vd 1 viên

Bảo quản nơi khô, dưới 30°C. Tránh ánh sáng.
Tiêu chuẩn cơ sở.
SDK - Reg. No.:

CÔNG TY TNHH HASAN - DERMAPHARM

Chỉ định, Chống chỉ định, Liều lượng, Cách dùng, Tương tác, Tác dụng không mong muốn, Thận trọng và các thông tin khác: Xin đọc hướng dẫn sử dụng.

**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!**

Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam

Số lô SX - Batch No.:
NSX - Mfg. Date:
HD - Exp. Date:

Rx Prescription only

HARATAC 150

HASAN

Ranitidine 150 mg
(in the form of Ranitidine hydrochloride)

03 blisters x 04 effervescent tablets

Composition
Ranitidine hydrochloride.....167,4 mg
(equivalent to Ranitidine.....150 mg)
Excipients.....q.s. 1 tablet

Store in a dry place, below 30°C. Protect from light.
Manufacturer's specification.

HASAN - DERMAPHARM CO., LTD.

Indications, Contraindications, Dosage and Administration, Interactions, Undesirable effects, Precautions and other information: Read carefully the enclosed leaflet.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE DIRECTIONS
BEFORE USE!**

Road No. 2, Dong An Industrial Park, Binh Duong, Vietnam



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Trần Đình Hương

HARATAC 150

Hộp 05 vỉ x 04 viên nén sủi bọt

Kích thước: 104 x 102 x 35 mm



HARATAC 150

Hộp 10 vỉ x 04 viên nén sủi bọt
Kích thước: 104 x 102 x 60 mm

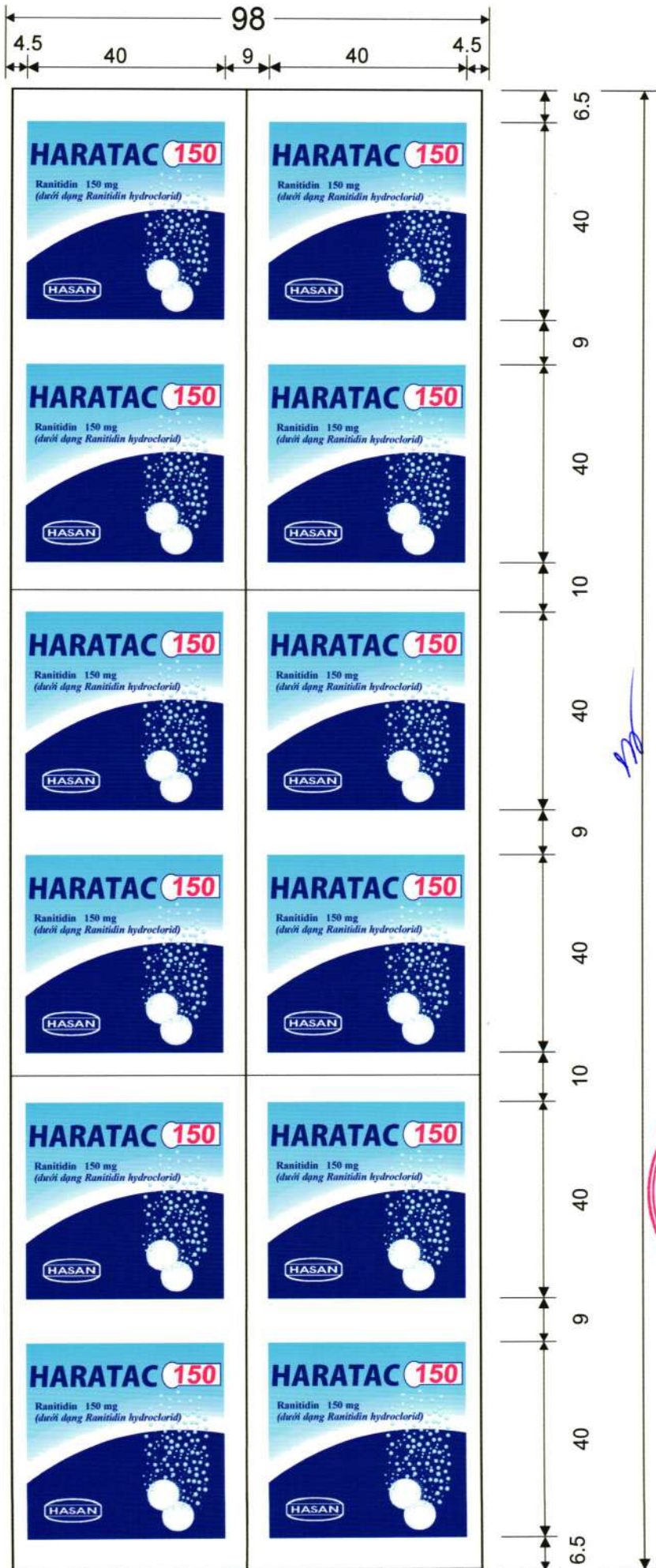


HARATAC 150

01 vỉ xé: 04 viên nén sủi bọt

Kích thước: 99 x 98 mm

Mặt trước



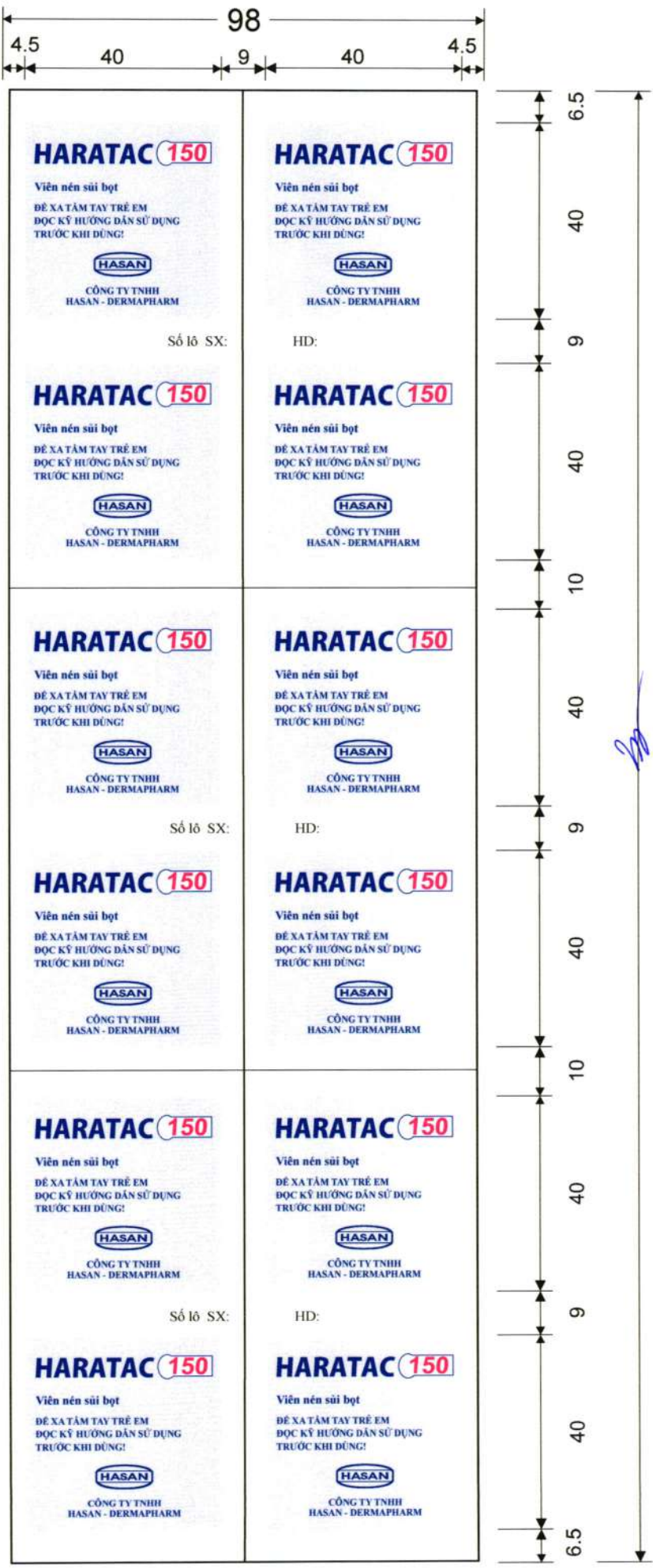
TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. *Trần Đình Hưng*

HARATAC 150

01 vỉ xé: 04 viên nén sủi bọt

Kích thước: 99 x 98 mm

Mặt sau



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Trần Đình Hương

Thông tin thuốc dành cho cán bộ y tế
Rx Thuốc bán theo đơn

HARATAC

Viên nén sủi bọt

THÀNH PHẦN

- Dược chất**
Haratac 150: Ranitidin hydroclorid 167,4 mg (tương đương với ranitidin 150 mg).
- Haratac 300:** Ranitidin hydroclorid 334,8 mg (tương đương với ranitidin 300 mg).
- Tá dược:** Acid citric khan, natri hydrocarbonat khan, natri carbonat khan, mannitol, aspartam, povidon K30, PEG 6000, natri benzoat, tinh dầu bạc hà.

ĐƯỢC LƯC HỌC

Phân loại dược lý: Thuốc đối kháng thụ thể H_2 ,
Mã ATC: A02BA02.

Cơ chế tác dụng

Ranitidin là một thuốc đối kháng thụ thể H_2 , histamin có cơ chế tác dụng và cách dùng tương tự như cimetidin. Ranitidin ức chế cạnh tranh với histamin ở các thụ thể H_2 , của tế bào thành dạ dày, làm giảm lượng acid dạ dày tiết ra và giảm và đêm trong điều kiện cơ bản và trong tình trạng bị kích thích bởi thức ăn, insulin, acid amin, histamin hoặc pentagastrin. Ranitidin có tác dụng ức chế tiết acid dạ dày mạnh hơn cimetidin gấp 3-13 lần. Ranitidin có thể bảo vệ niêm mạc dạ dày chống chảy máu và tác dụng kích thích của một số thuốc (ví dụ aspirin, thuốc kháng viêm không steroid).

DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Hấp thu:** Ranitidin dễ dàng hấp thu qua đường tiêu hóa, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt khoảng 2-3 giờ sau khi uống. Thức ăn không ảnh hưởng đáng kể đến hấp thu thuốc. Sinh khả dụng của ranitidin sau khi uống khoảng 50%.
- Phân bố:** Ranitidin liên kết khoảng 15% với protein huyết tương.
- Chuyển hóa:** Ranitidin được chuyển hóa với tỷ lệ nhỏ ở gan thành N-oxyl, S-oxyl và demethylranitidin, N-oxyl là chất chuyển hóa chính nhưng cũng chỉ chiếm khoảng 4-6% liều.
- Thải trừ:** Khoảng 30% liều uống được đào thải dưới dạng không đổi qua nước tiểu trong 24 giờ, một phần thải qua phân. Thời gian bán thải của thuốc khoảng 2-3 giờ và kéo dài ở bệnh nhân suy thận.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

- Hộp 03 vỉ x 04 viên nén sủi bọt Vixen-AI.
- Hộp 05 vỉ x 04 viên nén sủi bọt Vixen-AI.
- Hộp 10 vỉ x 04 viên nén sủi bọt Vixen-AI.

CHỈ ĐỊNH

- Điều trị loét dạ dày - tá tràng.
- Điều trị trào ngược dạ dày - thực quản.
- Điều trị hội chứng Zollinger-Ellison.
- Điều trị loét do stress ở đường tiêu hóa trên.
- Phòng ngừa nguy cơ loét do stress ở đường tiêu hóa trên.
- Điều trị chứng khó tiêu.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

- Liều lượng**
Người lớn:
Liều dùng duy nhất: Uống liều duy nhất 300 mg vào buổi tối lúc đi ngủ hoặc 150 mg/lần x 2 lần/ngày (sáng, tối) trong ít nhất 4 tuần. Cũng có thể dùng liều 300 mg/lần x 2 lần/ngày cho loét tá tràng. Liều duy trì là 150 mg/ngày uống vào buổi tối. Với loét tá tràng, liều cao 300 mg/lần x 2 lần/ngày trong 4 tuần cũng đã từng được dùng.

- Điều trị loét liên quan đến dùng thuốc kháng viêm không steroid:** 150 mg/lần x 2 lần/ngày hoặc 300 mg/lần x 2 lần/ngày, có thể sử dụng trong 8-12 tuần; cũng có thể dùng liều cao là 300 mg/lần x 2 lần/ngày. Liều 150 mg/lần x 2 lần/ngày có thể dùng để điều trị loét sau phẫu thuật.
- Loét tá tràng kết hợp với nhiễm Helicobacter pylori:** Liều 300 mg x 1 lần/ngày hoặc 150 mg/lần x 2 lần/ngày có thể dùng trong phác đồ 3 thuốc với amoxicilin 750 mg và metronidazol 500 mg, cả 2 thuốc này uống 3 lần/ngày trong 2 tuần. Sau đó điều trị ranitidin tiếp theo 2 tuần nữa.
- Bệnh trào ngược dạ dày - thực quản:** 150 mg/lần x 2 lần/ngày hoặc liều duy nhất 300 mg vào buổi tối dùng trong 8 tuần hoặc 12 tuần nếu cần. Có thể tăng liều 150 mg/lần x 4 lần/ngày cho tới 12 tuần để các trường hợp nặng. Để duy trì lành viêm loét thực quản, có thể dùng liều 150 mg/lần x 2 lần/ngày. Liều khởi đầu thường là 150 mg/lần x 2-3 lần/ngày và có thể tăng lên nếu cần thiết; các liều lên đến 6 g/ngày cũng được sử dụng.
- Chăm sóc bệnh nhân có nguy cơ loét do stress ở đường tiêu hóa trên:** 150 mg/lần/ngày.
- Bệnh nhân có nguy cơ mắc phải hội chứng hít sặc acid trong quá trình gây mê:** Uống liều 150 mg 2 giờ trước khi gây mê. Tốt hơn nên cho uống thêm 150 mg vào buổi tối hôm trước. Ở bệnh nhân sản khoa bắt đầu chuyển dạ, có thể cho uống một liều 150 mg và nhắc lại với khoảng cách mỗi 6 giờ nếu cần.
- Bệnh nhân mắc chứng khó tiêu mạn tính:** 150 mg/lần x 2 lần/ngày trong 6 tuần.
- Liều lượng trên một số đối tượng lâm sàng đặc biệt:**
 - Bệnh nhân suy thận:** Bệnh nhân có độ thanh thải creatinin < 50 ml/phút, liều uống là 150 mg/ngày, điều chỉnh liều nếu cần.
 - Bệnh nhân suy gan:** Ở bệnh nhân suy gan ranitidin có thể ít biến đổi về thời gian bán thải, phân bố, độ thanh thải và sinh khả dụng. Không cần phải điều chỉnh liều nhưng cần theo dõi chặt chẽ.
- Cách dùng**
Hòa tan viên nén sủi bọt Haratac vào khoảng 200 ml nước. Không được bẻ viên thuốc. Uống ngay sau khi viên nén sủi bọt hoàn toàn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Qua mẫn với ranitidin hydroclorid hoặc bất kỳ thành phần phụ của thuốc.

THẬN TRỌNG VÀ CẢNH BÁO

- Dùng thận trọng và giảm liều ở bệnh nhân suy thận vì ranitidin đào thải chủ yếu qua thận.
- Thận trọng ở bệnh nhân suy gan vì thuốc chuyển hóa ở gan.
- Cần theo dõi thường xuyên bệnh nhân dùng đồng thời thuốc kháng viêm không steroid với ranitidin, đặc biệt đối với người cao tuổi và những người có tiền sử loét dạ dày, tá tràng.
- Một vài bằng chứng cho thấy ranitidin có thể thúc đẩy tình trạng rối loạn chuyển hóa porphyrin cấp ở bệnh nhân có tiền sử mắc chứng bệnh này. Vì vậy, tránh dùng ranitidin ở bệnh nhân có tiền sử rối loạn chuyển hóa porphyrin cấp.
- Khi bị loét dạ dày, cần loại trừ khả năng ung thư trước khi điều trị bằng ranitidin vì các thuốc đối kháng thụ thể histamin H_2 có thể che lấp các triệu chứng của ung thư dạ dày, làm chậm chẩn đoán bệnh này.
- Đối với người cao tuổi và bệnh nhân suy thận, phải ngưng điều trị ranitidin nếu xuất hiện trạng thái lú lẫn.
- Điều trị ranitidin dài hạn có thể gây thiếu hụt vitamin B₁₂.
- Tăng nguy cơ viêm phổi mắc phải cộng đồng ở các đối tượng như người cao tuổi, bệnh phổi mạn tính, bệnh đại tháo đường hoặc suy giảm miễn dịch. Dữ liệu dịch tễ học cho thấy tăng nguy cơ viêm phổi mắc phải cộng đồng ở bệnh nhân đang sử dụng thuốc.

dùng ranitidin so với những người đã ngưng điều trị với hệ số nguy cơ 1,82. Đã có báo cáo từ dữ liệu hậu mại về các tình trạng lú lẫn có thể hồi phục, trầm cảm, ảo giác đặc biệt xảy ra ở người cao tuổi hoặc có bệnh tình nghiêm trọng.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ mang thai

Các nghiên cứu trên súc vật không phát hiện ra tác dụng gây quái thai. Trên lâm sàng, việc sử dụng ranitidin trong một số trường hợp có thai không phát hiện bất kỳ tác dụng độc hại hoặc gây dị tật cho thai. Tuy nhiên cần thận trọng khi nghiên cứu để đánh giá hậu quả của việc tiếp xúc với thuốc trong thời kỳ mang thai. Chỉ sử dụng ranitidin trong thời kỳ mang thai khi thật cần thiết.

Phụ nữ cho con bú

Ranitidin bài tiết qua sữa mẹ. Dùng thận trọng trong thời kỳ cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC

Chưa có báo cáo về ảnh hưởng của thuốc đến khả năng làm việc. Tuy nhiên, thuốc có thể gây một số tác dụng không mong muốn trên thần kinh như đau đầu, chóng mặt. Nếu xảy ra ở bệnh nhân, không nên lái xe, vận hành máy móc, làm việc trên cao hoặc các trường hợp khác.

TƯƠNG TÁC CỦA THUỐC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC

Ranitidin có thể ảnh hưởng đến sự hấp thu, chuyển hóa hoặc bài tiết qua thận của các thuốc khác. Sự thay đổi được động học dẫn đến việc cần phải điều chỉnh liều của thuốc bị tương tác hoặc ngưng điều trị. Tương tác xảy ra thông qua một số cơ chế, bao gồm:

- Sức chế hệ thống enzym cytochrom P450:**
Ranitidin ở liều điều trị thông thường không ảnh hưởng đến các thuốc bị bất hoạt bởi hệ thống enzym cytochrom P450 như diazepam, lidocain, phenytoin, propranolol và theophyllin. Đã có báo cáo về sự thay đổi thời gian prothrombin khi sử dụng các thuốc chống đông coumarin (ví dụ warfarin). Do khoảng điều trị hẹp, khuyến cáo cần theo dõi thời gian prothrombin khi dùng đồng thời với ranitidin.
- Sự cạnh tranh bài tiết ở ống thận:**
Vị ranitidin được thải trừ một phần bởi hệ thống cationic, điều này có thể ảnh hưởng đến độ thanh thải của các thuốc khác. Liều cao ranitidin (sử dụng trong điều trị hội chứng Zollinger-Elison) có thể làm giảm bài tiết procainamid và N-acetyl procainamid dẫn đến tăng nồng độ huyết tương của các thuốc này.

- Sự thay đổi pH dạ dày:**
Sinh khả dụng của một số loại thuốc có thể bị ảnh hưởng, làm tăng hấp thu (triazolam, midazolam, glipizid) hoặc làm giảm hấp thu (ketoconazol, atazanavir, delavirdin, gefitinib). Không có tương tác giữa ranitidin và amoxicillin hoặc metronidazol.
- Liều cao sucralfat (2 g) khi dùng chung với ranitidin làm giảm hấp thu ranitidin. Tác động này không xảy ra nếu uống sucralfat sau đó 2 giờ.

- Cefpodoxim, cefuroxim, fosamprenavir, indinavir, các muối sắt, mesalamine, neflavinir:** Ranitidin có thể làm giảm hấp thu và tác dụng của các thuốc trên.
- Saquinavir:** Ranitidin có thể làm tăng mức hấp thu và tác dụng của saquinavir.
- Thức ăn:** Không ảnh hưởng đến hấp thu của ranitidin.
- Rượu:** Tránh uống rượu vì có thể gây kích ứng niêm mạc dạ dày.
- Hút thuốc lá ảnh hưởng không rõ rệt đến quá trình lành loét tá tràng và cơ thể cũng làm giảm hiệu quả của ranitidin.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Các thử nghiệm lâm sàng cho thấy tần suất tác dụng không mong muốn vào khoảng 3-5% số người được điều trị. Liều gấp nhất là đau đầu (2%), buồn nôn (2%).

Các dụng không mong muốn được phân nhóm theo tần suất rất thường gặp (ADR $\geq 1/10$), thường gặp (1/100 $\leq$ ADR $< 1/1000$), ít gặp (1/1000 $\leq$ ADR $< 1/100$), hiếm gặp (1/1000 $\leq$ ADR $< 1/10000$), rất hiếm gặp (ADR $< 1/10000$).

- Thường gặp:**
 - Toàn thân: Đau đầu, chóng mặt, yếu mệt.
 - Tiêu hóa: Tiêu chảy.
 - Da: Ban đỏ.
- Ít gặp:**
 - Máu: Giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu.
 - Da: Ngứa.
 - Gan: Tăng transaminase.
- Hiếm gặp:**
 - Phản thân: Các phản ứng quá mẫn xảy ra như mày đay, có thể phát ban, sốt, chóng mặt, phù mạch, đau cơ, đau khớp.
 - Máu: Giảm bạch cầu hạt, giảm toàn bộ huyết cầu kể cả giảm sản tủy xương.
 - Tim mạch: Chậm nhịp tim, hạ huyết áp, block nhĩ thất.
 - Nội tiết: Vú to ở đàn ông.
 - Tiêu hóa: Viêm tụy.
 - Da: Hồng ban đa dạng.
 - Gan: Viêm gan, đôi khi có vàng da.
 - Mắt: Rối loạn điều tiết mắt.

QUẢ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng

Cho đến nay, ít có dữ liệu về quả liều ranitidin. Có trường hợp uống tới 18 g ranitidin cũng chỉ có những tác dụng không mong muốn nhất thời như thường gặp trong lâm sàng. Hạ huyết áp và đáng kể bất thường cũng đã được báo cáo.

Cách xử trí

Dùng các biện pháp thường dùng để loại bỏ phần thuốc chưa hấp thu ở đường tiêu hóa, theo dõi lâm sàng và điều trị hỗ trợ. Thăm tách máu có thể giúp tăng nhanh đào thải ranitidin.

LƯU Ý

- Không dùng thuốc quá liều chỉ định.**
- Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên bao bì.**
- Để xa tầm tay trẻ em.**
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**

BẢO QUẢN

Nơi khô, dưới 30°C. Tránh ánh sáng.

HẠN DỤNG

36 tháng (kể từ ngày sản xuất).

TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn cơ sở.

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC



CÔNG TY TNHH HASAN - DERMAPHARM
Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam

Thông tin thuốc dành cho bệnh nhân

HARATAC

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.
Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

THÀNH PHẦN, HÀM LƯỢNG CỦA THUỐC

- **Dược chất**
Haratac 150: Ranitidin hydrochlorid 167,4 mg (tương đương với ranitidin 150 mg).
- **Haratac 300:** Ranitidin hydrochlorid 334,8 mg (tương đương với ranitidin 300 mg).
- **Tá dược:** Acid citric khan, natri hydrocarbonat khan, natri carbonat khan, manitol, aspartam, povidon K30, PEG 6000, natri benzoat, tinh dầu bạc hà.

MÔ TẢ SẢN PHẨM

- **Haratac 150:** Viên nén tròn, màu trắng ngà, hai mặt phẳng, cạnh và thành viên lạnh lặn, có vị ngọt và hương bạc hà.
- **Haratac 300:** Viên nén tròn, màu trắng ngà, hai mặt phẳng, cạnh và thành viên lạnh lặn, có vị ngọt và hương bạc hà.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

- Hộp 03 vỉ x 04 viên nén suì bọt. Ví xé Al-Al.
- Hộp 05 vỉ x 04 viên nén suì bọt. Ví xé Al-Al.
- Hộp 10 vỉ x 04 viên nén suì bọt. Ví xé Al-Al.

THUỐC DÙNG CHO BỆNH GÌ

- Haratac chứa dược chất ranitidin, thuốc nhóm thuốc đối kháng thụ thể H₂. Thuốc này làm giảm acid trong dạ dày của bạn.

- Haratac được sử dụng để:

- + Điều trị loét dạ dày - ruột.
- + Điều trị bệnh trào ngược dạ dày - thực quản và duy trì lành bệnh.

- Điều trị nhiễm trùng trong dạ dày của bạn khi phối hợp với kháng sinh.

- Điều trị và phòng ngừa loét dạ dày - ruột gây ra bởi các thuốc khác hoặc loét do stress.

- Cải thiện vấn đề ngứa da bởi acid trong thực quản hoặc quá nhiều acid trong dạ dày. Các bệnh này thường gây đau và khó chịu ở đường tiêu hóa như khó tiêu, ợ nóng, phồng ngứa ngứa cơ sặc acid trong quá trình gây mê. Điều trị triệu chứng khó tiêu.

LIÊN DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO

- Liền dùng thuốc theo đúng hướng dẫn của bác sĩ hoặc dược sĩ. Kiểm tra lại với bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bạn không chắc chắn về cách dùng thuốc.

Liều dùng
Người lớn (bao gồm người cao tuổi): 150 mg vào

- buổi sáng và 150 mg vào buổi tối; hoặc 300 mg vào lúc đi ngủ. Liều dùng cụ thể và thời gian điều trị tùy thuộc vào loại bệnh và mức độ nghiêm trọng của bệnh. Trong quá trình sử dụng, bác sĩ có thể tăng liều nếu cần thiết.
- **Trẻ em:** Không sử dụng thuốc ở trẻ em. Bác sĩ sẽ lựa chọn các thuốc khác phù hợp hơn với độ tuổi và cân nặng của trẻ.

Cách dùng

- Hòa tan viên nén suì bọt Haratac vào một cốc nước vừa đủ (khoảng 200 ml nước). Không được bẻ viên thuốc. Uống ngay sau khi viên nén suì bọt hoàn toàn.

KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY

- Dùng với ranitidin hydrochlorid hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- Giống như các thuốc khác, Haratac có thể gây ra một số tác dụng không mong muốn mặc dù không phải bệnh nhân nào cũng gặp phải. Các nghiên cứu lâm sàng cho thấy tác dụng không mong muốn thường gặp nhất là đau đầu và buồn nôn.

- **Ngưng sử dụng thuốc và liên hệ với bác sĩ ngay lập tức nếu bạn gặp phải các tác dụng không mong muốn nghiêm trọng dưới đây:**

- Phản ứng dị ứng thuốc, bao gồm các dấu hiệu: Phát ban, ngứa, mẩn đỏ; sưng mắt, mũi, lưỡi hoặc các bộ phận khác của cơ thể; đau ngực, thở dốc, throat khô khè hoặc khó thở; sốt không rõ nguyên nhân, chóng mặt.
- **Một số tác dụng không mong muốn khác đã được báo cáo:**

- **Thường gặp (có thể ảnh hưởng 1 - 10 người trong 100 người):** Đau đầu, chóng mặt, yếu mệt, tiêu chảy, buồn nôn.

- **Ít gặp (có thể ảnh hưởng 1 - 10 người trong 1000 người):** Giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu, ngứa, tăng transaminase.

- **Hiếm gặp (có thể ảnh hưởng 1 - 10 người trong 10000 người):** Phản ứng quá mẫn như nổi mề đay, co thắt phế quản, sốt, chóng mặt, phù, đau cơ, đau khớp; giảm bạch cầu hạt, giảm toàn bộ huyết cầu; nhịp tim chậm, hạ huyết áp, các vấn đề khác ở tim; vú to ở nam giới; ban da, viêm gan, đôi khi có vàng da; các bất thường về mắt.

NÊN TRÁNH DÙNG NHỮNG THUỐC HOẶC THỰC PHẨM GÌ KHI ĐANG SỬ DỤNG THUỐC NÀY

- Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ những thuốc bạn đang hoặc vừa sử dụng gần đây, bao gồm thuốc không kê đơn, vì Haratac có thể ảnh hưởng đến tác dụng của các thuốc khác và ngược lại nếu sử dụng đồng thời, đặc biệt là các thuốc sau:

- Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) dùng để điều trị giảm đau, kháng viêm.

- Lidocain (thuốc gây tê tại chỗ).
- Proparacainol, procainamid hoặc N-acetyl procainamid (thuốc điều trị bệnh tim).

- Diazepam (thuốc an thần, giảm lo âu).

- Phenylephrin (thuốc điều trị đồng kính).

- Theophyllin (thuốc điều trị các vấn đề về hô hấp như hen suyễn).

- Warfarin (thuốc chống đông máu).

- Glipizid (thuốc hạ đường huyết).

- Atazanavir, delaviridin, fosamprenavir, indinavir, nelfinavir, saquinavir (thuốc điều trị HIV).

- Triazolam (thuốc điều trị mất ngủ).

- Gefitinib (thuốc điều trị ung thư phổi).

- Ketoconazol (thuốc điều trị nấm hoặc tưa miệng).

- Sucralfat (thuốc điều trị viêm loét dạ dày).

- Cefprozoxim, cefuroxim (kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn).

- Các chế phẩm chứa sắt.

- Mesalamin (thuốc điều trị một số bệnh về tiêu hóa).

- Midazolam thường được sử dụng trước khi bạn trải qua các cơn phẫu thuật. Thông báo cho bác sĩ bạn đang sử dụng Haratac trước khi phẫu thuật trong trường hợp bác sĩ muốn cho bạn sử dụng thuốc chứa midazolam.

- Tránh uống rượu trong khi sử dụng ranitidin vì có thể gây ra kích ứng niêm mạc dạ dày.

- Hút thuốc là ảnh hưởng không tốt đến quá trình điều trị loét dạ dày và cơ thể cũng làm giảm hiệu quả của ranitidin.

CẦN LÀM GÌ KHI MỘT LẦN QUÊN DÙNG THUỐC

- Nếu quên dùng thuốc, uống ngay sau khi nhớ ra. Nếu thời điểm nhớ ra gần với thời điểm uống liều tiếp theo, hãy bỏ qua liều đã quên và tiếp tục uống liều tiếp theo như thường lệ.
- Không uống liều gấp đôi để bù cho liều đã quên.

CẦN BẢO QUẢN THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO

- Bảo quản thuốc ở nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.
- Không sử dụng thuốc sau khi hết hạn sử dụng được ghi trên hộp thuốc hay vỉ thuốc.
- Không nên vứt bỏ thuốc vào nước thải hay rác sinh hoạt. Hỏi ý kiến dược sĩ cách bỏ thuốc không sử dụng nữa. Những biện pháp này sẽ giúp bảo vệ môi trường.

NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU

- Haratac thường không gây hại, trừ khi bạn uống nhiều viên thuốc cùng lúc. Có thể gặp các tác dụng không mong muốn đã được báo cáo.

CẦN PHẢI LÀM GÌ KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU KHUYẾN CÁO

- Trong trường hợp dùng thuốc quá liều, thông báo

ngay cho bác sĩ và đến bệnh viện gần nhất. Mang theo bao bì ngoài của thuốc để bác sĩ xác định bạn đã dùng quá liều thuốc nào.

NHỮNG ĐIỀU CẦN THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC NÀY

- Sau vài ngày sử dụng Haratac, bạn có thể cảm thấy tình trạng bệnh được cải thiện. Tuy nhiên, không được tự ý ngưng sử dụng thuốc mà không tham khảo ý kiến bác sĩ vì các triệu chứng ban đầu có thể tái phát khi bạn ngưng thuốc.

- Thông báo cho bác sĩ trước khi sử dụng thuốc nếu bạn có các bệnh về thận vì bác sĩ cần điều chỉnh liều trong các trường hợp này.

- **Phụ nữ mang thai hoặc cho con bú:** Thông báo cho bác sĩ nếu bạn đang mang thai, nghi rằng mình mang thai, có kế hoạch mang thai hoặc đang cho con bú, chỉ nên sử dụng Haratac khi thật cần thiết và sau khi đã được bác sĩ cân nhắc về lợi ích điều trị và nguy cơ có thể xảy ra.

- **Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc:** Chưa có các nghiên cứu về ảnh hưởng của thuốc đối với khả năng lái xe, vận hành máy móc, làm việc trên cao hoặc các trường hợp khác. Tuy nhiên, nếu gặp phải bất kỳ tác dụng không mong muốn nào ảnh hưởng đến khả năng làm việc và tập trung, tham khảo ý kiến bác sĩ.

KHI NÀO CẦN THAM VẤN BÁC SĨ, DƯỢC SĨ

- Bạn bị ung thư dạ dày.
- Bạn có các bệnh về thận hoặc gan.
- Bạn bị loét dạ dày từ trước và đang dùng thuốc kháng viêm không steroid (NSAID).
- Bạn đã từng được chẩn đoán bị rối loạn porphyrin cấp.
- Người cao tuổi.
- Bạn có các bệnh về phổi.
- Bạn bị đau thảo dương.
- Bạn có bất kỳ vấn đề nào với hệ miễn dịch.
- Phụ nữ mang thai hoặc cho con bú.
- Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

HẠN DÙNG

36 tháng (kể từ ngày sản xuất).

NGÀY XEM XÉT TS/ADOL, CẤP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

TUỐC THUỐC

P. TR

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

HASAN

CÔNG TY TNHH HASAN - DERMAPHARM
Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam